

**TRẬT TỰ TỪ TRONG TIẾNG VIỆT  
VÀ VIỆC DẠY THỰC HÀNH  
CHO HỌC SINH NƯỚC NGOÀI**

**ĐẶNG VĂN ĐẠM**

1. Là thứ tiếng thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, tiếng Việt không có các hệ biến hình thái của từ để biểu thị các quan hệ ngữ pháp của các từ, nhóm từ. Tiếng Việt sử dụng trật tự từ, hư từ (từ công cụ - mots outils) và ngữ điệu (quãng ngắt, sự nhấn...) làm các phương tiện ngữ pháp biểu thị các quan hệ, liên hệ ngữ pháp các từ, nhóm từ...

2. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề trật tự từ trong câu Việt và việc dạy học cho người nước ngoài.

3.1. Trước nay chúng ta thường quan niệm rằng trật tự từ trong các ngôn ngữ biến hình (như tiếng Nga chẳng hạn) thì đơn, còn trật tự từ trong các ngôn ngữ không biến hình (tiếng Việt chẳng hạn) thì phức tạp. Sự thực không hoàn toàn đơn giản như trong các ngôn ngữ biến hình cũng như trong các ngôn ngữ không biến hình, trật tự từ luôn phải gánh vác 2 chức năng:

a/ Chức năng trên bình diện ngữ pháp: Biểu thị quan hệ ngữ pháp (các chức năng cú pháp) giữa các từ, nhóm từ trong câu.

b/ Chức năng trên bình diện giao tiếp: Biểu thị sự phân chia thành phần tại tính (cái gì, cái gì mới, hạt nhân (hay trọng tâm) của thông báo (thông tin) trong câu (phát ngôn) [1].

3.2. Trong 2 chức năng trên (a,b) chức năng thứ hai (b) luôn luôn giữ vai trò quan trọng hơn cả và có khả năng chi phối. Vì vậy trong hoạt động nói năng (nói hoặc viết) trật tự từ tiếng Việt không hoàn toàn cố định.

Sơ sánh:

1' - Cháu (.) biết (.) tiếng Pháp.

(QĐND 90936-1991 tr.6)

2' - Chiuổi, xôi, chè, canh, cháu đều không thích lắm.

(NC.TT, II. tr.60)

3' - Phôi kim mặt trống là những hoa văn được khắc họa tinh xảo.

(QĐND 6692-1979. tr.2)

Chúng ta đều thấy rõ là trong tiếng Việt có 3 trường hợp về trật tự của C, V, b (chữ, vị ngữ, bổ ngữ): 1'-C-V-b, 2'-b/C-V, 3'-V-(b)/C.

3.3. Vấn đề đặt ra là khi nào, trong điều kiện nào, trật tự của các thành phần cú pháp (c,v,b) có thể và cần thay đổi như trên ?

Phân tích ngữ liệu, chúng tôi thấy rằng khả năng thay đổi trật tự các thành phần cú pháp của câu tiếng Việt có liên quan đến các nhân tố sau:

1'/ Sự có mặt của hư từ, ngữ điệu (quảng ngắt, nhấn giọng. . .) ở vị trí cú pháp nào đó.

2'/ Đặc trưng của các đơn vị từ vựng ở các vị trí cú pháp (tối giản hay phức tạp, thực từ hay hư từ v. v. . .)

3'/ Phát ngôn (câu) nằm ở vị trí nào, đặc biệt vị trí đầu đoạn văn hay đoạn đối thoại ?

4'/ Tình huống giao tiếp, ngữ cảnh (hay văn cảnh).

3.3.1. Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi có một số nhận xét sau:

a/ Các phát ngôn có dạng C-V-b (chúng tôi gọi đây là dạng *đ i ề n h ì n h*) thường có khả năng đứng ở đầu đoạn văn (hay đoạn đối thoại) đồng thời có khả năng đứng một mình như một thông báo độc lập. Chẳng hạn:

- Tôi ăn cơm <sup>(1)</sup>

- Viên y sĩ nghe tim <sup>(1)</sup>

(NC.TT, II, tr. 95)

Tuy thế, chỉ cần thay các từ "tôi", "viên y sĩ" bằng đại từ "nó" ta sẽ có các phát ngôn:

- Nó ăn cơm <sup>(2)</sup>

- Nó nghe tim <sup>(2)</sup>

Các phát ngôn dạng <sup>(2)</sup> không còn khả năng tồn tại như một thông báo độc lập, không còn khả năng đứng đầu đoạn văn (hay đoạn đối thoại) như các phát ngôn dạng <sup>(1)</sup> nữa.

Thành phần từ vựng trong các vị trí cú pháp giữ vai trò không nhỏ trong sự *h à n c h ú c* của một phát ngôn (câu) cụ thể: Phát ngôn có thể là phát ngôn *đ ộc l ậ p* (đứng độc lập hay đứng đầu đoạn văn, đoạn đối thoại) <sup>(1)</sup> có thể là phát ngôn *p h ụ t h ụ c* (không thể đứng đầu đoạn văn, đoạn đối thoại hay đứng độc lập). Thực tế này cho thấy việc luyện tập mẫu câu C-V-b chỉ bằng bài tập *t h a y t h ế* sẽ dẫn đến những khuyết tật nào đó cho học sinh (khả năng chuyển di của kỹ năng. . .)

b/ Các phát ngôn có dạng b/C-V luôn luôn là phát ngôn phụ thuộc. Chúng chỉ được sử dụng và cần sử dụng khi nào đối tượng (khách thể) là cái đã biết, đã được nói đến, người nói lẫn người nghe (người đọc) đều đã biết về đối tượng này. Trong hoạt động *n ắ n ắ n ắ* (viết, nói) khi thành phần (b) được đặt lên đầu câu (phát ngôn), người ta phải sử dụng hoặc hư từ hoặc ngữ điệu hoặc đồng thời cả hai phương thức ngữ pháp này

ính:

- Tôi ăn cơm.
- Cơm thì tôi không ăn.
- Cầu Hiền Lương, quân Pháp phải bắc hai lần.

(NT. Ký. tr.91)

c/ Các phát ngôn có dạng V-(b)/ C cũng không thể là phát ngôn độc lập. Chúng dùng; khi hạt nhân (trọng tâm) thông báo nằm ở C còn V (hoặc V-b) là cái đã biết là nhận biết, không giữ vai trò quan trọng trong thông báo. Chẳng hạn:

- Sinh ra cái mặt tôi là gì!

(NC. TT, II. tr. 20)

- Cùng đi với ba cha con cháu có cả bốn chú dân quân nữa.

(QĐND 6580-1979. Tr. 2)

Trong hoạt động nói năng (nói, viết) người ta thường dùng các trợ từ 'là', 'có', 'h là', 'chỉ có', ... để ngăn cách vị ngữ (hay vị ngữ-bổ ngữ) là cái đã biết (đã được nói với chủ ngữ là cái chưa biết, cái cần thông báo hay miêu tả dài dòng, chi tiết. Thí

- Dự buổi tiếp có các đồng chí HQĐ, ủy viên TƯ Đảng, bí thư thứ nhất TƯ Đoàn, TH, phó trưởng ban đối ngoại TƯ Đảng.

(TP II-1991, tr.1)

- Nổi bật trong vẻ mặt non trẻ là chiếc mũi dọc dừa, một bộ tóc dài và nặng.

(NGMCH 'ĐCNL' tr.II)

4. Những điều trình bày trên cho thấy: Mặc dù dạng C-V-b là dạng điển hình nhưng chúng ta không thể không dạy cho người học các dạng còn lại (b/C-V, V-(b)/C) vì tiến giao tiếp không loại trừ các tình huống.

1.1. Dạng C-V-b là dạng quen thuộc. Đó là biến thể điển hình của kiểu câu ngữ động từ với chu cảnh tối ưu là /S-V-O/ (chủ thể, hành động, trạng thái hay quá đối tượng). Biến thể này thường được các tác giả sách giáo khoa coi là câu mẫu và đưa vào mọi giáo trình cơ sở. Các dạng còn lại (b/C-V(.), V=(b)/C.) được coi là biến thể k h o n g đ i ể n h ì n h của kiểu câu /S-V-O/ nói riêng và của kiểu câu vị ngữ nói chung.

Tùy theo cách xử lý giáo học pháp của từng tác giả và văn bản được sử dụng làm bài biến thể (2) và (3) có thể xuất hiện ở giáo trình năm thứ hai hoặc các năm sau. Việc dạy làm giảm tính linh hoạt trong đối thoại của học sinh nước ngoài vì biến thể (2) V(.) / thường được sử dụng khi cả người nói lẫn người nghe đều đã biết (hoặc đã tin) về đối tượng của hành động. Biến thể (3) /V-(b)-C/ ít xuất hiện trong đối thoại mà thường gặp trong các bài tường thuật (trên đài, trên báo). Sự vắng mặt biến thể trong giáo trình cơ sở sẽ làm cho học sinh lúng túng khi đọc báo hoặc nghe đài. Vì tôi đã khắc phục khuyết tật đó cho học sinh bằng cách sử dụng bài tập biến thể đối các bài tập này không hề gây phiền toái cho người học đồng thời còn làm cho người học chắc ngay từ đầu các biến thể của kiểu câu C-V-b.

4.2. Vấn đề đặt ra quan trọng hơn là dạy sao để học sinh có được các kỹ năng kỹ xảo có khả năng chuyển đổi đối với các hiện tượng ngữ pháp nêu trên. Ở đây cần chú ý đến một nguyên tắc quan trọng là dạy như thế nào để người học nắm chắc được các hiện tượng ngữ pháp trong sự hoàn chỉnh của chúng. Từ nguyên tắc này chúng ta thấy được hướng sử dụng loại hình bài tập. Chúng tôi đã sử dụng bài tập nói năng và bài tập nói năng quy ước<sup>[2]</sup> để luyện tập cho sinh viên khi dạy học biến thể b/c- nói riêng và cả 3 biến thể nói chung. Trong các bài tập này, chúng tôi luôn tạo ra tình huống nói năng (hỏi đáp, bày tỏ ý kiến, tường thuật, miêu tả. . .) trong đó người học phải sử dụng các phát ngôn (1) -C-V-b, (2) b/C-V (.), (3) V-(b)/C.

4.3. Như vậy, trên bình diện giao tiếp, bình diện biểu thị phân chia thành phần thực tại tính của câu, chúng tôi thấy trật tự từ (trật tự thành phần câu) tiếng Việt không cố định. Mọi sự thay đổi trật tự thành phần câu (trật tự từ) đều có liên quan đến mục đích và tình huống nói năng. Con đường tiết kiệm thời gian một cách có hiệu quả là ngay trong giáo trình cơ sở, học sinh đã được luyện tập và làm quen với sự biến đổi trật tự từ nêu trên.

#### CHÚ THÍCH

[1] *dannoœ, novoe, tema, rema, v.v...* đề, thuyết.

[2] *Richevure uprajnhenhie, uxlovnure richevure uprajnhenhie.*